

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên-độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0201768923 đề ngày 24 tháng 1 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Thay đổi gần nhất (lần 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thế Trọng Ông Trần Tiến Dũng Ông Đồng Trung Hải Ông Nguyễn Kim Dương Khôi Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Đồng Trung Hải Ông Trần Ngọc Toàn	Giám đốc Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Nghiêm Thị Thùy Dương Ông Nguyễn Tuấn Anh Bà Phan Thị Trung Hiếu	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Người đại diện theo pháp luật	Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc
Trụ sở chính	Lô CC2, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giá định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Báo cáo tài chính giữa niên độ này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021, và được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty do một đơn vị kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần vào ngày 14 tháng 8 năm 2020. Đồng thời, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng do đơn vị kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 27 tháng 3 năm 2021.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0298-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 2855
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.700.813.019	43.411.306.456
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.052.866.574	29.435.556.707
111	Tiền		10.052.866.574	8.435.556.707
112	Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	21.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		10.046.193.553	13.127.327.100
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.268.469.389	11.516.140.880
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	880.930.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	777.724.164	730.256.220
140	Hàng tồn kho		149.017.000	261.516.000
141	Hàng tồn kho		149.017.000	261.516.000
150	Tài sản ngắn hạn khác		452.735.892	586.906.649
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	6(a)	452.735.892	586.906.649
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		225.556.738.476	238.580.390.511
220	Tài sản cố định		102.986.223.785	114.165.518.014
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	102.941.362.676	114.098.444.858
222	Nguyên giá		172.364.482.643	172.364.482.643
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.423.119.967)	(58.266.037.785)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	44.861.109	67.073.156
228	Nguyên giá		1.121.382.459	1.121.382.459
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.076.521.350)	(1.054.309.303)
260	Tài sản dài hạn khác		122.570.514.691	124.414.872.497
261	Chi phí trả trước dài hạn	6(b)	122.570.514.691	124.414.872.497
270	TỔNG TÀI SẢN		251.257.551.495	281.991.696.967

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		21.545.957.473	51.821.532.602
310	Nợ ngắn hạn		21.545.957.473	42.125.236.304
311	Phải trả người bán ngắn hạn	8	9.765.018.364	12.966.977.836
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		15.807.000	3.168.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1.817.093.623	2.138.919.318
314	Phải trả người lao động	10	4.419.002.016	14.377.130.818
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	11	2.328.544.800	4.965.244.698
319	Phải trả ngắn hạn khác		587.236.670	284.649.894
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12(a)	-	5.540.740.740
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	2.613.255.000	1.848.405.000
330	Nợ dài hạn		-	9.696.296.298
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12(b)	-	9.696.296.298
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		229.711.594.022	230.170.164.365
410	Vốn chủ sở hữu		229.711.594.022	230.170.164.365
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14,15	121.200.000.000	121.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.200.000.000	121.200.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	15	91.926.164.365	66.441.746.877
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	15	16.585.429.657	42.528.417.488
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		16.585.429.657	42.528.417.488
440	TỔNG NGUỒN VỐN		251.257.551.495	281.991.696.967



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập




Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

.Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.371.737.249	93.431.438.276
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.371.737.249	93.431.438.276
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(52.166.835.723)	(54.610.128.424)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.204.901.526	38.821.309.852
21	Doanh thu hoạt động tài chính	379.351.981	473.911.849
22	Chi phí tài chính	(161.599.321)	(3.483.278.885)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(161.599.321)	(3.483.278.885)
25	Chi phí bán hàng	(13.225.346.278)	(11.867.711.780)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.685.643.427)	(2.257.306.018)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.511.664.481	21.686.925.018
31	Thu nhập khác	84.320.000	7.003.967
32	Chi phí khác	-	-
40	Lợi nhuận khác	84.320.000	7.003.967
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.595.984.481	21.693.928.985
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.010.554.824)	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.585.429.657	21.693.928.985
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.265	1.687
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.265	1.687


 Nguyễn Thị Minh Lan
 Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
 Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.595.984.481	21.693.928.985
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	11.179.294.229	14.801.325.971
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(459.351.981)	(480.915.816)
06	Chi phí lãi vay	161.599.321	3.483.278.885
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	28.477.526.050	39.497.618.025
09	Giảm các khoản phải thu	3.081.133.547	5.694.100.258
10	Giảm hàng tồn kho	112.499.000	185.445.000
11	Giảm các khoản phải trả	(16.436.378.609)	(6.377.239.649)
12	Giảm chi phí trả trước	1.978.528.563	266.729.125
14	Tiền lãi vay đã trả	(664.659.053)	(3.343.863.741)
15	Thuế TNDN đã nộp	(242.544.574)	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.735.150.000)	(896.375.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	14.570.954.924	35.026.414.018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	-	(7.160.786.325)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	80.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	379.351.981	473.911.849
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	459.351.981	(6.686.874.476)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.237.037.038)	(7.659.259.259)
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(14.175.960.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(29.412.997.038)	(7.659.259.259)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(14.382.690.133)	20.680.280.283
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 29.435.556.707	28.563.864.067
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 15.052.866.574	49.244.144.350

Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (lần 3) được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 154 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 148 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi theo quy định của doanh nghiệp và các quy định hiện hành sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Nợ phải trả (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.15 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi của nhân viên Công ty.

2.16 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.17 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

2.19 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.21 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.22 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.24 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định (Thuyết minh 2.8 và 7).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Tiền mặt	319.889.729	462.252.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.732.976.845	7.973.303.957
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	21.000.000.000
	15.052.866.574	29.435.556.707

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất 3,3%/năm (2020: lãi suất 3,2%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	801.742.510	650.094.270
Trong đó:		
- Công ty TNHH Vận tải biển Liên Hợp	413.369.453	229.116.802
- Chi nhánh Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Vietnam) tại Hải Phòng	165.042.450	202.114.646
- Chi nhánh Công ty TNHH Namsung Shipping Việt Nam tại Hải Phòng	154.967.559	-
- Các khách hàng khác	68.363.048	218.862.822
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	8.466.726.879	10.866.046.610
	9.268.469.389	11.516.140.880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Tạm ứng cho nhân viên	777.724.164	730.256.220

6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí bảo hiểm	263.711.203	528.346.660
Khác	189.024.689	58.559.989
	<u>452.735.892</u>	<u>586.906.649</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí thuê đất (*)	122.218.030.800	123.915.503.450
Công cụ, dụng cụ	352.483.891	499.369.047
	<u>122.570.514.691</u>	<u>124.414.872.497</u>

(*) Đây là tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương Đình Vũ cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2020 đến 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	124.414.872.497	128.149.499.741
Tăng trong kỳ/năm	103.240.910	588.049.453
Phân bổ trong kỳ/năm	(1.947.598.716)	(4.322.676.697)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>122.570.514.691</u>	<u>124.414.872.497</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

7 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	83.050.294.941	3.074.154.669	85.044.676.063	1.195.356.970	172.364.482.643
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	83.050.294.941	3.074.154.669	85.044.676.063	1.195.356.970	172.364.482.643
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(31.046.074.592)	(1.899.544.936)	(24.473.740.432)	(846.677.825)	(58.266.037.785)
Khấu hao trong kỳ	(4.678.365.714)	(306.735.576)	(6.048.071.106)	(123.909.786)	(11.157.082.182)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	(35.724.440.306)	(2.206.280.512)	(30.521.811.538)	(970.587.611)	(69.423.119.967)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	52.004.220.349	1.174.609.733	60.570.935.631	348.679.145	114.098.444.858
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	47.325.854.635	867.874.157	54.522.864.525	224.769.359	102.941.362.676

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 857.482.142 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 771.198.674 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

7 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.121.382.459
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.121.382.459
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(1.054.309.303)
Khấu hao trong kỳ	(22.212.047)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	(1.076.521.350)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	67.073.156
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	44.861.109

8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	7.910.282.420	6.425.448.545
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương	1.832.563.995	1.300.976.695
- Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	2.886.081.000	1.116.665.000
- Các nhà cung cấp khác	3.191.637.425	4.007.806.850
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	1.854.735.944	6.541.529.291
	<u>9.765.018.364</u>	<u>12.966.977.836</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà Nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Cán trừ VND	Tại ngày 30.6.2021 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	-	4.101.388.939	-	(4.101.388.939)	-
(b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	1.923.658.221	8.362.271.659	(5.305.842.497)	(4.101.388.939)	878.698.444
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.010.554.824	(242.544.574)	-	768.010.250
Thuế TNDN	215.261.097	504.828.397	(549.704.565)	-	170.384.929
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	<u>2.138.919.318</u>	<u>9.880.654.880</u>	<u>(6.101.091.636)</u>	<u>(4.101.388.939)</u>	<u>1.817.093.623</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí lương và thưởng cho nhân viên	4.419.002.016	14.377.130.818

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí lãi vay (Thuyết minh 24(b))	64.450.966	501.624.245
Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 24(b))	2.093.640.500	1.258.609.000
Chi phí sửa chữa	-	3.000.000.000
Khác	170.453.334	205.011.453
	<u>2.328.544.800</u>	<u>4.965.244.698</u>

12 VAY

Biến động của các khoản vay trong kỳ như sau:

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Thanh toán VND	Tại ngày 30.6.2021 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	5.540.740.740	(5.540.740.740)	-

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Thanh toán VND	Tại ngày 30.6.2021 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	9.696.296.298	(9.696.296.298)	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**
13 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1.1.2021 đến 30.6.2021 VND	Từ 1.1.2021 đến 31.12.2021 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.848.405.000	1.473.080.000
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 15) (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(1.735.150.000)	(2.124.675.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>2.613.255.000</u>	<u>1.848.405.000</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 17 tháng 4 năm 2021.

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30.6.2021	31.12.2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.048.000	66,40	8.048.000	66,40
Cổ đông khác	4.080.000	33,60	4.080.000	33,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
Chia cổ tức	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	28.046.624.475	(28.046.624.475)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.528.417.488	42.528.417.488
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	121.200.000.000	66.441.746.877	42.528.417.488	230.170.164.365
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.544.000.000)	(14.544.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13) (*)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	25.484.417.488	(25.484.417.488)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.585.429.657	16.585.429.657
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	121.200.000.000	91.926.164.365	16.585.429.657	229.711.594.022

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 17 tháng 4 năm 2021, Công ty phân phối 14.544.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trả cổ tức cho các cổ đông, đồng thời trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 2.500.000.000 Đồng (Thuyết minh 14) và số LNST còn lại là 25.484.417.488 Đồng được trích vào quỹ đầu tư phát triển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

16 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021	2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.585.429.657	21.693.928.985
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
	<u>15.335.429.657</u>	<u>20.443.928.985</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.265</u>	<u>1.687</u>

(*) Công ty ước tính số tiền trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bằng 50% số đã trích lập cho cả năm tài chính 2021.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

17 DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container	71.395.848.242	82.224.770.178
Dịch vụ sửa chữa container	10.290.998.218	6.493.034.414
Dịch vụ khác	2.684.890.789	4.713.633.684
	<u>84.371.737.249</u>	<u>93.431.438.276</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****18 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	52.166.835.723	54.610.128.424

19 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí hoa hồng cho bên liên quan (Thuyết minh 24(a))	10.116.395.500	8.628.602.000
Chi phí hoa hồng cho hãng tàu	2.615.053.000	2.532.363.000
Khác	493.897.778	706.746.780
	13.225.346.278	11.867.711.780

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	1.215.662.597	1.681.868.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.901.452	249.011.693
Chi phí khác	189.079.378	326.425.735
	1.685.643.427	2.257.306.018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

21 THUẾ TNDN

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (từ năm 2017 đến năm 2031).

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.595.984.481	21.693.928.985
Thuế tính ở thuế suất 10%	1.759.598.448	2.169.392.899
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	261.511.200	253.236.300
- Thuế được miễn hoặc giảm	(1.010.554.824)	(2.422.629.199)
Chi phí thuế TNDN (*)	1.010.554.824	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.010.554.824	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	1.010.554.824	-

(*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

22 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	17.646.538.225	15.483.191.348
Chi phí nhân viên	11.633.916.608	15.700.244.288
Chi phí khấu hao	11.179.294.229	13.103.853.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.292.498.829	11.849.178.044
Chi phí hoa hồng	12.731.448.500	11.160.965.000
Chi phí khác	1.594.129.037	1.437.714.221
	67.077.825.428	68.735.146.222

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

23 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 2,6 tỷ Đồng và 860 triệu Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp. Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

24 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu với Công ty trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu sau được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
i) <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	32.569.023.409	30.153.505.436
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.254.536.400	2.194.038.007
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	747.160.780	1.850.810.336
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	17.951.665.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	621.328.894	394.560.869
	<u>35.192.049.483</u>	<u>52.544.579.648</u>
ii) <i>Mua hàng hóa</i>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	<u>6.265.978.225</u>	<u>6.173.942.348</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

24 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
iii) Mua dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.087.688.000	575.654.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	289.908.000	4.571.519.964
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	41.643.648
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	558.000.000	-
	<u>2.935.596.000</u>	<u>5.188.817.612</u>
iv) Thu từ thanh lý tài sản cố định		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	80.000.000	300.000.000
	<u>80.000.000</u>	<u>300.000.000</u>
v) Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 19)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	10.116.395.500	8.628.602.000
	<u>10.116.395.500</u>	<u>8.628.602.000</u>
vi) Hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		
- Chi phí lãi vay	161.599.321	2.125.469.487
- Tiền lãi vay đã trả	664.659.053	1.900.388.178
- Trả gốc vay	15.237.037.038	7.659.259.259
	<u>166.495.412</u>	<u>11.685.116.924</u>
vii) Chi trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	9.648.000.000	-
	<u>9.648.000.000</u>	<u>-</u>
viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	559.276.612	1.141.707.239
	<u>559.276.612</u>	<u>1.141.707.239</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

24 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	8.261.632.400	3.836.809.033
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.039.500	102.312.100
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	204.054.979	2.504.471.727
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	4.422.453.750
	<u>8.466.726.879</u>	<u>10.866.046.610</u>
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 8)		
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	106.730.250	-
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.748.005.694	6.541.529.291
	<u>1.854.735.944</u>	<u>6.541.529.291</u>
iii) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	64.450.966	501.624.245
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	2.093.640.500	1.258.609.000
	<u>2.158.091.466</u>	<u>1.760.233.245</u>
iv) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 12(a))		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	5.540.740.740
	<u>-</u>	<u>5.540.740.740</u>
v) Vay dài hạn (Thuyết minh 12(b))		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	9.696.296.298
	<u>-</u>	<u>9.696.296.298</u>

25 NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Minh Phương, Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng có diện tích 100.000 m² tại lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương Đình Vũ. Việc khôi phục bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đánh giá chưa thể ước tính các chi phí hoàn nguyên một cách đáng tin cậy do thiếu các thông tin phục vụ việc ước tính như xác định thời gian, đơn giá và mức độ các tài sản xây dựng trên đất sẽ cần phải di dời. Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Công ty sẽ tham vấn chuyên gia về cách thức ước tính và sẽ ghi nhận vào báo cáo tài chính trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

26 **ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19**

Sự tái bùng phát và lan rộng của Covid-19 từ đầu năm 2021 là một tình huống khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động của tình huống này đối với hoạt động của Công ty, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và cho rằng ảnh hưởng của Covid-19 là không trọng yếu đối với hoạt động của Công ty trong tương lai gần. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 13 tháng 8 năm 2021.



Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng/Người lập



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
VÀ PHÁT TRIỂN XANH**

Số: 07/2021-GIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của công ty đại chúng, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh (mã chứng khoán: GIC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.585.429.657	21.693.928.985	5.108.499.328	23,5

Nguyên nhân chủ yếu:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và sự thiếu hụt container rỗng trong quý I làm cho doanh thu và lợi nhuận trong quý I của Công ty giảm. Đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021 trên Báo cáo tài chính giảm 5.108.499.328 đồng, tương ứng giảm 23,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



ĐỒNG TRUNG HẢI

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TC-TH